

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:40/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 07-5-2025

“V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Phước

Ông Hà Văn Châu

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thức - Thẩm tra viên, Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 33/2025/TLST-HNGĐ ngày 13/02/2025; Về việc: *“Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Tường V, sinh năm 2000. Địa chỉ: Số C, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Đặng Quý N, sinh năm 1991. Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú hiện nay: Số C, đường T, Khóm B, Phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo Đơn khởi kiện ngày 06 tháng 02 năm 2025, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Tường V trình bày:*

Vào khoảng tháng 10 năm 2021, bà V với ông Đặng Quý N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng. Đến ngày 28/12/2021 thì bà với ông N mới đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc và có với nhau 02 con chung, tuy nhiên trong cuộc sống hàng ngày cũng có xảy ra cự cãi với nhau, nhưng không trầm trọng. Đến tháng 12 năm 2024 thì vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, do ông N không quan tâm đến bà và các con, nên bà V dẫn con về gia đình cha mẹ ruột ở xã A, huyện C để sinh sống và ly thân với ông N. Đến nay bà với ông N không còn tình cảm với nhau, nên không có nguyện vọng hàn gắn lại tình cảm với chồng để chung sống với nhau.

Bà với ông N có 02 con chung tên Đặng Trương Trường T, sinh ngày 07/7/2022 và Đặng Trương Trường P, sinh ngày 14/7/2023, hiện nay 02 con đang được bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, bà V không đồng ý đối với yêu cầu của ông Đặng Quý N về giành quyền nuôi 02 con sau khi ly hôn và yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đặng Quý N theo quy định của pháp luật.

Bà V yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi 02 sau khi ly hôn và không yêu cầu ông Đặng Quý N cấp dưỡng nuôi con. Bởi vì 02 con được bà chăm sóc, nuôi dưỡng từ nhỏ và hai anh em không thể xa rời nhau. Đối với cháu T được phía gia đình bên ngoại chăm sóc từ nhỏ, vì khi bà với ông N sinh sống, làm ăn tại thành phố S thì cháu T được gửi về bên gia đình ngoại ở xã A, huyện C hỗ trợ, chăm sóc giữ cháu từ nhỏ. Hiện nay bà đã có việc làm, có thu nhập nên đủ khả năng nuôi 02 con, nên không cần anh N cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Theo Đơn yêu cầu phản tố ngày 18 tháng 02 năm 2025, *các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Đặng Quý N trình bày:*

Ông N thống nhất ý kiến trình bày của bà V về quan hệ hôn nhân, như thời gian chung sống vợ chồng, việc đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến sống ly thân với nhau, cũng như ông với bà V có 02 con chung. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà V đối với ông N thì ông đồng ý ly hôn, không có nguyện vọng hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, vì ông cũng không còn tình cảm với bà V và hai bên không thể tiếp tục chung sống với nhau.

Ông với bà V có 02 con chung tên Đặng Trương Trường T, sinh ngày 07/7/2022 và Đặng Trương Trường P, sinh ngày 14/7/2023, hiện nay 02 con đang được bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bởi vì, khi ông với bà V xảy ra mâu thuẫn thì bà V đã dẫn các con bỏ về nhà cha mẹ ruột của bà V để ở và không cho ông chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Vì vậy, ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, sau khi ly hôn với bà V và không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con. Bởi vì, ông có điều kiện kinh tế để nuôi 02 con, còn bà V không có khả năng kinh tế để nuôi dưỡng 02 con và hiện nay ông đã có chỗ ở ổn định thành phố S, có môi trường sống tốt hơn so với xã A, huyện C, nếu các con ở với ông sau này thì được học hành thuận lợi hơn so với ở chung với bà V.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà V đối với ông N, ghi nhận sự thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa bà V với ông N. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà V, giao 02 con cho bà V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn và không chấp nhận yêu cầu của ông N giành quyền nuôi 02 con sau khi ly hôn. Bởi vì, 02 con của ông N, bà V đều dưới 36 tháng tuổi, còn nhỏ cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ nhiều hơn và hiện nay bà V cũng có việc làm, có thu nhập, nên cũng đảm bảo khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con, nên giao 02 con cho bà V nuôi dưỡng là phù hợp với định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về nội dung vụ án: Bà Trương Tường V với ông Đặng Quý N tự nguyện chung sống như vợ chồng và đến ngày 28/12/2021 thì đăng ký kết hôn theo quy định pháp. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 02 con chung. Sau đó cuộc sống hôn nhân bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do

bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng. Đến tháng 12 năm 2024 thì vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nên bà V dẫn con về gia đình cha mẹ ruột ở xã A, huyện C để sinh sống và ly thân với ông N. Nay bà Trương Tường V nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Đặng Quý N. Từ đó các bên phát sinh tranh chấp.

[2] Về hôn nhân: Vào khoảng tháng 10 năm 2021, bà Trương Tường V với ông Đặng Quý N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và đến ngày 28/12/2021 thì đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, được UBND xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 28/12/2021, nên quan hệ hôn nhân giữa bà V với ông N là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ khi có phát sinh tranh chấp. Theo bà V và ông N trình bày, thì hôn nhân giữa ông bà không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không hàn gắn được và hai bên không còn tình cảm với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án thì hai bên đều đồng ý ly hôn, không có nguyện vọng hàn gắn lại tình cảm vợ chồng để tiếp tục chung sống với nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trương Tường V với ông Đặng Quý N theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà V với ông N có 02 con chung tên Đặng Trương Trường T, sinh ngày 07/7/2022 và Đặng Trương Trường P, sinh ngày 14/7/2023, hiện nay 02 con đang được bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, 02 con của ông N, bà V hiện nay đều dưới 36 tháng tuổi, được bà V đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện nay bà V đã có việc làm, có thu nhập, nên có khả năng nuôi con. Phía bị đơn ông N cho rằng ông có điều kiện kinh tế nuôi 02 con tốt hơn bà V và hiện ông đang cư trú tại thành phố S, nên sau này con ông được học tập tốt hơn so với ở xã A, huyện C. Tuy nhiên, ông N cũng xác định bà V là người trực tiếp chăm sóc các con từ khi sinh ra hoặc phía gia đình của bà V phụ vợ chồng ông chăm sóc các con và khi ông bà cư trú ở thành phố S để làm ăn, kinh doanh thì cháu T1 T được gửi về phía gia đình ngoại (bên bà V) để hỗ trợ chăm sóc hơn 01 năm nay. Do đó, việc ông N cho rằng ông nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con tốt hơn bà V là không có khả thi và không được Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến này của ông N.

Vì vậy, yêu cầu được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con của bà V là có căn cứ, phù hợp với điều kiện thực tế về chăm sóc, nuôi dưỡng các con sau khi ly hôn và theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trương Tường V không yêu cầu ông Đặng Quý N cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự phải chịu tiền án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng. Tuy nhiên, bà Trương Tường V đồng ý chịu nộp số tiền án phí 150.000 đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bà V.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 51; Điều 53; Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Bà Trương Tường V với ông Đặng Quý N thuận tình ly hôn.

2/ Về con chung: Giao 02 con tên Đặng Trương Trường T, sinh ngày 07/7/2022 và Đặng Trương Trường P, sinh ngày 14/7/2023 cho bà Trương Tường V tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, sau khi ly hôn.

Dành cho ông Đặng Quý N được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trương Tường V không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trương Tường V đồng ý chịu 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008868 ngày 06/02/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, còn lại số tiền 150.000 đồng bà Trương Tường V được hoàn trả lại.

Ông Đặng Quý N không phải chịu án phí, nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008911 ngày 19/02/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

5/ Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

6/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS TP. Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Hiệp, Vĩnh Châu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha